

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2015 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 69

17
NG
HIỆ
T
NT
Ô
MA
17/01/2017
TH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án & quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chức vụ và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 21.08/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 69. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.432.635.472.580	3.007.445.891.884
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	888.282.006.346	1.567.118.042.293
1. Tiền	111		557.612.006.346	674.886.605.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		330.670.000.000	892.231.436.329
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.472.320.866	1.000.161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16.c	242.472.159.865	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.686.348.164.291	834.207.466.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	660.546.695.133	364.991.518.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	755.804.375.968	153.799.409.650
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	56.972.676.919	172.440.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	231.641.467.946	156.407.295.914
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(18.617.051.675)	(13.430.757.236)
IV. Hàng tồn kho	140	11	532.582.314.869	519.154.186.641
1. Hàng tồn kho	141		533.209.922.441	519.781.794.213
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.950.666.208	85.966.035.351
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.a	20.510.425.544	16.672.387.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.683.541.215	51.474.977.075
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21.a	4.756.699.449	17.818.671.110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


MẪU SỐ B 01a-DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.301.291.891.127	5.987.004.878.181
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.532.599.396.844	1.228.017.489.851
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	639.963.899.122	764.162.014.150
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	334.217.997.600	25.650.997.600
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	608.417.500.122	473.204.478.101
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.235.537.013.189	1.442.788.846.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	253.426.963.077	86.754.928.385
- Nguyên giá	222		370.776.785.401	145.832.706.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.349.822.324)	(59.077.777.918)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.982.110.050.112	1.356.033.918.314
- Nguyên giá	228		2.783.557.413.265	1.850.139.377.804
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(801.447.363.153)	(494.105.459.490)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	233.318.609.822	235.346.087.222
- Nguyên giá	231		246.879.657.999	246.879.657.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.561.048.177)	(11.533.570.777)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.560.246.258.856	1.042.536.353.094
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.560.246.258.856	1.042.536.353.094
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.039.591.489.428	1.792.645.606.407
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	1.029.377.426.422	943.146.527.143
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	551.990.484.892	391.275.501.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.b	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	16.c	461.126.478.114	461.126.478.114
VI. Tài sản dài hạn khác	260		699.999.122.988	245.670.494.908
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17.b	191.991.689.473	175.247.311.267
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18.a	2.830.528.827	-
5. Lợi thế thương mại	269	19	505.176.904.688	70.423.183.641
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.733.927.363.707	8.994.450.770.065

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.164.724.151.753	5.777.636.332.771
I. Nợ ngắn hạn	310		1.658.670.397.147	1.482.031.348.746
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	124.664.029.328	390.012.291.766
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.292.737.338	17.998.813.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21.b	94.239.683.210	93.459.242.336
4. Phải trả người lao động	314		6.701.538.393	18.075.203.095
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	43.413.035.480	29.052.527.325
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		366.598.574	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	23.a	279.428.500.298	116.738.862.184
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.a	1.020.698.982.275	754.504.822.429
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	48.534.083.235	48.534.083.235
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.331.209.016	13.655.502.736
II. Nợ dài hạn	330		5.506.053.754.606	4.295.604.984.025
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	366.599.109
7. Phải trả dài hạn khác	337	23.b	24.578.380.986	44.129.208.200
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24.b	4.387.813.358.566	3.072.430.451.317
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	26	1.038.375.864.458	1.178.608.115.361
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18.b	55.286.150.596	70.610.038
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.569.203.211.954	3.216.814.437.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	4.569.203.211.954	3.216.814.437.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		183.887.934.261	176.578.874.261
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.660.084.447	6.660.084.447
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.753.312.411	105.344.887.951
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		981.388.757.371	525.139.141.171
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		251.210.594.082	136.970.651.948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		730.178.163.289	388.168.489.223
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.246.417.743.464	535.542.409.464
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.733.927.363.707	8.994.450.770.065


Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	760.732.178.570	1.428.463.754.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	11.144.556.455	8.716.828.512
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	749.587.622.115	1.419.746.926.179
4. Giá vốn hàng bán	11	29	413.980.556.107	1.164.231.600.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		335.607.066.008	255.515.325.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	688.521.714.442	159.250.907.583
7. Chi phí tài chính	22	31	259.369.596.317	116.066.201.309
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		199.356.687.307	114.352.124.042
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.338.862.539)	59.793.508.925
9. Chi phí bán hàng	25	32	128.914.656.973	102.640.447.466
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	63.882.974.095	29.522.598.854
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		563.622.690.526	226.330.494.241
12. Thu nhập khác	31	34	127.967.766.080	735.935.045
13. Chi phí khác	32	35	4.421.586.433	5.365.909.189
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		123.546.179.647	(4.629.974.144)
	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			687.168.870.173	221.700.520.097
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	101.209.297.431	24.920.609.793
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	18	(2.738.623.690)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		588.698.196.432	196.779.910.304
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		537.967.750.832	173.809.946.183
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		50.730.445.600	22.969.964.121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.816	1.540
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	2.135	1.041

nghtu

nghtu



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	935.620.153.921	496.137.683.947
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(607.055.738.965)	(403.934.653.326)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.575.606.685)	(36.800.796.560)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(196.757.756.426)	(176.145.890.637)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(50.872.409.721)	(40.283.107.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	83.308.348.710	106.512.182.389
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(118.227.726.145)	(123.706.766.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.560.735.311)	(178.221.348.323)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(924.863.332.075)	(95.680.588.505)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	18.123.403.068	111.068.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(679.219.159.865)	(134.803.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	226.123.123.613	268.762.212.161
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(718.049.923.728)	(268.919.263.383)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	336.502.953.882	14.656.977.710
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.845.492.192	105.122.069.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.606.537.442.913)	206.407.885
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	119.627.052.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(44.360.000)	(5.398.968.518)
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.670.449.300.342	2.496.073.824.240
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.602.412.685.668)	(1.631.617.169.079)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(177.291.317)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248.357.598.321)	(142.390.433.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	939.261.708.353	716.489.962.036
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(678.836.469.871)	538.475.021.598
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.567.118.042.293	797.248.819.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	433.924	284.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	888.282.006.346	1.335.724.125.186

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong kỳ thể hiện ở mã số 21 bao gồm chủ yếu là tiền chi đầu tư xây dựng các dự án B.O.T và B.T đang triển khai như dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2, dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội và dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Chỉ tiêu này không bao gồm giá trị đầu tư đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính là 30.340.463.157 VND. Số tiền này sẽ ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai khi các khoản nợ được thanh toán.

Dòng tiền thu từ đi vay phát sinh trong kỳ (mã số 33) là 2.670.449.300.342 VND, trong đó tổng số tiền vay ngân hàng và các tổ chức khác là 2.179.174.300.342 VND và tiền thu về từ phát hành trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC là 491.275.000.000 VND.

Tiền trả nợ gốc vay trong kỳ (mã số 34) là 1.602.412.685.668 VND trong đó bao gồm tiền thanh toán các khoản vay cho ngân hàng và các tổ chức khác là 1.486.412.685.668 VND và tiền thanh toán trái phiếu thông thường là 116.000.000.000 VND.


Trong kỳ, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi 165.874.000.000 VND thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn và giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán và không làm ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.026.095.380.000 đồng, được chia thành 202.609.538 cổ phần bằng nhau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.867.809.040.000 VND tương ứng với 186.780.904 cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); đầu tư và quản lý các công ty con kinh doanh trong 5 lĩnh vực chính là đầu tư cầu đường, kinh doanh nước, bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miễu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII tiếp tục đầu tư và quản lý.

Công ty đã đặt mua thành công 3.974.780 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII), nâng tỷ lệ sở hữu từ 49,13% lên 55,94%, theo đó, Công ty SII trở thành công ty con của Công ty bắt đầu từ ngày 29 tháng 5 năm 2015.

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 30 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (mã cổ phiếu LGC) đồng thời phát hành 1.020 tỷ đồng trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC). Việc phát hành trái phiếu hoán đổi được tiến hành thành 2 đợt. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 30 triệu cổ phiếu LGC và phát hành thành công trái phiếu hoán đổi đợt 1 với tổng giá trị là 491.275.000.000 VND.

Trong kỳ, Công ty đã đặt mua thành công 8.565.960 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư 577 (mã cổ phiếu NBB) với giá mua không thấp hơn 27.000 đồng/cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu lên 24,92%, NBB trở thành công ty liên kết của Công ty bắt đầu từ ngày 31 tháng 3 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang đầu tư vào hai mươi (20) công ty con và mười một (11) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

Các công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	55,94%	55,94%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	51,06%	51,06%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	TP. Hồ Chí Minh	99,54%	99,54%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	TP. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản.
5. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	TP. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
8. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	TP. Hồ Chí Minh	47,55%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
9. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	50,35%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
10. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	33,28%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
11. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	55,93%	99,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
12. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	TP. Hồ Chí Minh	28,53%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
13. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	26,04%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
14. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển XD Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	51,06%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1
15. Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	51,06%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2
16. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	45,94%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
17. Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	50,45%	98,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện
18. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	51,06%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
19. Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	51,05%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
20. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	99,54%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	TP. Hồ Chí Minh	49,50%	49,50%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư 577	TP. Hồ Chí Minh	24,92%	24,92%	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	Tỉnh Tiền Giang	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh nhà máy nước Đồng Tâm
4. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp
6. Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	36,41%	36,41%	Vận tải hành khách
7. Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Tỉnh Long An	14,41%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai
8. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16,03%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
9. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	25,40%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Miễu
10. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5,11%	10%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
11. Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	TP. Hồ Chí Minh	32,36%	32,52%	Tư vấn và kiểm định xây dựng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 42.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 11

Thuê tài sản

Thuê tài sản bao gồm thuê tài chính và thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê tài sản (tiếp theo)

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính

Quyền thu phí giao thông có được từ các hợp đồng B.O.T ký giữa Công ty và các cơ quan đại diện của Nhà nước được ghi nhận theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí in vé cầu đường, chi phí sửa chữa duy tu trạm thu phí giao thông... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được đo biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T và B.T

Lãi vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận theo điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu của hợp đồng B.O.T, được tính bằng 14%/năm trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án. Khi các dự án bắt đầu đi vào hoạt động thì khoản lãi này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu hàng năm của dự án theo hướng dẫn của công văn 6070/BTC-CST của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Lãi vốn chủ các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T và tính trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	11.435.061.130	5.362.198.324
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	546.176.945.216	669.524.407.640
Các khoản tương đương tiền	330.670.000.000	892.231.436.329
Cộng	888.282.006.346	1.567.118.042.293

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn	660.546.695.133	364.991.518.270
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	455.645.402.322	251.418.309.508
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.652.154.476	36.652.154.476
Các khoản phải thu khách hàng khác	168.249.138.335	76.921.054.286
b. Phải thu dài hạn	639.963.899.122	764.162.014.150
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	639.963.899.122	764.162.014.150
Cộng	1.300.510.594.255	1.129.153.532.420

(i) Khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND) thể hiện khoản phải thu về giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn sau khi chuyển giao với tổng số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.095.609.301.444 đồng. Các khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. Số dư cuối kỳ sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	455.645.402.322	251.418.309.508
Trong năm thứ hai	251.418.309.508	251.418.309.508
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	388.545.589.614	512.743.704.642
Cộng	1.095.609.301.444	1.015.580.323.658
Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng	(455.645.402.322)	(251.418.309.508)
Số sẽ thu sau 12 tháng	639.963.899.122	764.162.014.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	300.000.000.000	-
Trung Tâm Phát triển quỹ đất Ninh Thuận	165.771.386.674	54.292.059.424
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV	35.647.220.696	35.647.220.696
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	22.838.430.783	22.838.430.783
Các đối tượng khác	231.547.337.815	41.021.698.747
Cộng	755.804.375.968	153.799.409.650

Số dư trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc thể hiện khoản ứng trước theo hợp đồng thầu phụ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	29.362.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	27.610.676.919	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Vinaphil	-	42.440.000.000
	56.972.676.919	172.440.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	308.567.000.000	-
Các khoản hợp tác đầu tư vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
	334.217.997.600	25.650.997.600
Cộng	391.190.674.519	198.090.997.600
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	27.610.676.919	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Vinaphil	-	42.440.000.000
Cộng	27.610.676.919	62.440.000.000

Khoản cho vay dài hạn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để thực hiện dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất cho vay trong kỳ là 8,5%/năm, thời hạn vay là 3 năm, khoản cho vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	129.405.973.272	78.686.565.360
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm đã đáo hạn	25.500.000.000	25.500.000.000
Phải thu về lãi từ trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	23.707.358.183	19.204.055.884
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (i):	22.132.821.910	22.132.821.910
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc</i>	13.140.000.000	13.140.000.000
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	8.992.821.910	8.992.821.910
Phải thu người lao động	14.454.795.207	2.644.847.398
Ký cược, ký quỹ	4.009.036.011	1.842.233.616
Các khoản chi hộ	3.781.542.214	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.700.000.000	1.700.000.000
Các khoản phải thu khác	6.949.941.149	4.696.771.746
	231.641.467.946	156.407.295.914
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T:	456.002.582.198	421.087.065.241
<i>Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	315.118.434.707	269.136.506.794
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	112.410.273.881	116.906.684.837
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc</i>	28.473.873.610	35.043.873.610
Ký cược, ký quỹ	102.414.917.924	2.117.412.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
	608.417.500.122	473.204.478.101
Cộng	840.058.968.068	629.611.774.015
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	93.159.320	2.521.221.175
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Vinaphil	-	82.522.222
	93.159.320	2.603.743.397

(i) Đây là phần lãi vốn chủ của các dự án B.O.T sẽ được cần trừ với doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

	30/06/2015			01/01/2015			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
a. Ngắn hạn	18.748.342.213	131.290.538		16.502.216.807	3.071.459.571		
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	2-3 năm	6.470.833.334	-	2 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	2.165.395.033	>3 năm	Công ty Cổ phần Cổ Mễ - Vườn Việt
Các khoản phải thu, cho vay khác đã quá hạn thanh toán	10.112.113.846	131.290.538		7.865.988.440	906.064.538		Các đối tượng khác
b. Dài hạn	50.000.000.000	-		50.000.000.000	15.000.000.000		
Nợ gốc trái phiếu	50.000.000.000	-		50.000.000.000	15.000.000.000		Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Cộng	68.748.342.213	131.290.538		66.502.216.807	18.071.459.571		

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, toàn bộ giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi trên đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành với tổng giá trị là 68.617.051.675 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 48.430.757.236 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.898.196.948	(32.650.364)	32.318.658.200	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	510.097.027	(1.456.000)	99.862.327	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	481.072.206.807	-	480.032.262.985	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án</i>	<i>321.161.841.328</i>	<i>-</i>	<i>299.613.077.595</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	<i>145.852.513.263</i>	<i>-</i>	<i>166.231.674.654</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	<i>5.292.086.009</i>	<i>-</i>	<i>1.774.761.055</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí dịch vụ dở dang</i>	<i>8.765.766.207</i>	<i>-</i>	<i>12.412.749.681</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	9.611.940.284	(528.730.757)	6.982.122.074	(528.730.757)
Hàng hóa	1.105.859.893	(64.770.451)	348.888.627	(64.770.451)
Hàng gửi bán	11.621.482	-	-	-
Cộng	533.209.922.441	(627.607.572)	519.781.794.213	(627.607.572)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 627.607.572 VND. Nguyên nhân là do hàng đã lỗi thời. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa có hướng xử lý đối với số lượng hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	40.066.488.205	80.962.961.629	23.461.723.462	1.341.533.007	145.832.706.303
Mua trong kỳ	1.423.192.211	10.057.090.909	5.753.656.091	-	17.233.939.211
Tăng do hợp nhất	47.389.987.509	70.100.471.793	95.066.972.340	231.666.761	212.789.098.403
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.233.796.288)	(3.845.162.228)	-	(5.078.958.516)
Tại ngày 30/06/2015	88.879.667.925	159.886.728.043	120.437.189.665	1.573.199.768	370.776.785.401
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	4.609.527.858	40.199.908.289	12.972.160.969	1.296.180.803	59.077.777.918
Khấu hao trong kỳ	1.418.403.677	5.586.356.244	3.745.361.888	116.911.678	10.867.033.487
Tăng do hợp nhất	9.855.761.665	23.315.562.268	15.875.067.869	128.818.879	49.175.210.681
Thanh lý, nhượng bán	-	(578.756.606)	(1.191.443.156)	-	(1.770.199.762)
Tại ngày 30/06/2015	15.883.693.200	68.523.070.195	31.401.147.570	1.541.911.360	117.349.822.324
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	35.456.960.347	40.763.053.340	10.489.562.493	45.352.204	86.754.928.385
Tại ngày 30/06/2015	72.995.974.725	91.363.657.848	89.036.042.095	31.288.408	253.426.963.077

Nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản tăng do hợp nhất thể hiện số dư tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu của các công ty con mua trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 14.138.810.810 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 12.041.129.222 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng, không sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015 là 2.265.447.001 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị ở nhà máy tại đường số 25C Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn. Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 14.218.187.111 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	1.841.560.703.354	8.031.674.450	547.000.000	-	1.850.139.377.804
Mua trong kỳ	-	-	15.000.000	100.000.000	115.000.000
Tăng do hợp nhất	932.518.035.964	-	142.142.354	642.857.143	933.303.035.461
Tại ngày 30/06/2015	2.774.078.739.318	8.031.674.450	704.142.354	742.857.143	2.783.557.413.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	493.063.298.247	929.927.089	112.234.154	-	494.105.459.490
Khấu hao trong kỳ	182.613.486.187	85.327.756	63.834.266	-	182.762.648.209
Tăng do hợp nhất	123.794.255.957	-	142.142.354	642.857.143	124.579.255.454
Tại ngày 30/06/2015	799.471.040.391	1.015.254.845	318.210.774	642.857.143	801.447.363.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	1.348.497.405.107	7.101.747.361	434.765.846	-	1.356.033.918.314
Tại ngày 30/06/2015	1.974.607.698.927	7.016.419.605	385.931.580	100.000.000	1.982.110.050.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có được các quyền thu phí tại các trạm như sau:

a. Quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 61,2%.

b. Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2

Quyền thu phí này nhằm để hoàn vốn đầu tư dự án cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1 - giai đoạn 2). Nguyên giá tại ngày khóa sổ kế toán là 215.164.902.241 VND, được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã đầu tư cho dự án theo hợp đồng B.O.T đã ký ngày 31 tháng 3 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thu phí hoàn vốn tạm tính là trong khoảng thời gian 5 năm 3 tháng, bắt đầu thu phí một chiều từ ngày 1 tháng 5 năm 2009 và thu phí hai chiều từ tháng 4 năm 2011. Thời gian thu phí hoàn vốn kết thúc vào ngày 3 tháng 7 năm 2015. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, toàn bộ giá trị đầu tư của dự án đã được khấu hao hết.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hàng năm hiện nay là 63,1%.

c. Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh

Quyền thu phí này nhằm để hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với nguyên giá tạm xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính là 581.331.629.217 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo Hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 44,2%.

Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty cũng đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào các dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

d. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 656.087.282.984 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Đây là quyền thu phí được mua trong kỳ thông qua việc mua lại công ty đang quản lý và thu phí hoàn vốn đầu tư - Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 và được phép thu phí trong vòng 23,8 năm. Từ năm 2014 quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 21,6 năm (trước đó khấu hao theo tỷ trọng doanh thu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày mua Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí hoàn vốn so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông tại trạm Xa Lộ Hà Nội, trạm Cam Thịnh, quyền thu phí giao thông đường ĐT 741 cùng với các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ các quyền thu phí giao thông này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành. Tổng giá trị của quyền thu phí giao thông đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.085.355.874.021 VND.

Công ty cũng đã thế chấp quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.031.674.450 VND để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	59.065.774.758	187.813.883.241	246.879.657.999
Tại ngày 30/06/2015	59.065.774.758	187.813.883.241	246.879.657.999
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	723.090.890	10.810.479.887	11.533.570.777
Khấu hao trong kỳ	58.369.873	1.969.107.527	2.027.477.400
Tại ngày 30/06/2015	781.460.763	12.779.587.414	13.561.048.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	58.342.683.868	177.003.403.354	235.346.087.222
Tại ngày 30/06/2015	58.284.313.995	175.034.295.827	233.318.609.822

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm những tài sản sau:

(i) Khu trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 3, khu văn phòng cho thuê từ tầng 4 đến tầng 5 và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

(ii) Quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương và tỷ lệ cho thuê cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	1.010.625.845.848	930.952.161.181
Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2	268.128.333.532	25.358.110.889
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Nước Pleiku	163.141.717.905	-
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	85.014.165.951	79.224.146.919
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	20.960.914.152	-
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	3.565.905.331	785.027.727
Các dự án khác	8.809.376.137	6.216.906.378
Cộng	<u>1.560.246.258.856</u>	<u>1.042.536.353.094</u>

(i) Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ Dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội trong tương lai đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	327.442.500.000	7.038.918.812		327.442.500.000	27.185.541.105	
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	312.583.113.435	(2.335.304.668)	348.811.560.000	-	-	
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.575.398.092	-		-	-	
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	70.533.623.284	12.007.271.778		70.533.623.284	6.642.399.223	
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	45.150.000.000	20.444.112		32.250.000.000	63.842.108	
Công ty Cổ phần Hòa Phú	33.000.000.000	177.297.651		33.000.000.000	122.002.967	
Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	31.748.744.000	1.815.954.994		-	-	
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	6.967.896.000	3.305.046.275		6.967.896.000	3.382.475.977	
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	1.763.046.453		-	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	1.960.000.000	187.976.204		1.960.000.000	124.908.775	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	-		392.586.063.315	40.885.274.389	696.923.271.000
	1.005.396.774.811	23.980.651.611	348.811.560.000	864.740.082.599	78.406.444.544	696.923.271.000
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ		1.029.377.426.422			943.146.527.143	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mặc dù Công ty sở hữu 49% vốn của Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định việc nắm giữ khoản đầu tư này là cho mục đích bán lại trong tương lai. Việc đàm phán các thỏa thuận chuyển nhượng đã được tiến hành. Công ty không có ý định nắm giữ khoản đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế lâu dài từ hoạt động của công ty này. Do đó, Công ty không hợp nhất khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và khoản đầu tư được trình bày như một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (xem Thuyết minh 16.b)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
Mua lại cổ phiếu quỹ tái phát hành của công ty liên kết	-	15.592.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	98.232.750.000	
Thu hồi tiền cho vay	42.440.000.000	
Lãi cho vay phải thu	895.955.557	
Công ty Cổ phần Đầu tư 577		
Mua thêm cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu thành công ty liên kết	138.672.679.373	
Chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty CP Đầu tư và PT XD Ninh Thuận	180.407.732.500	-
Cho vay	55.000.000.000	5.000.000.000
Lãi phát sinh từ các khoản cho vay	1.941.615.065	1.572.911.227
Cổ tức được chia	-	3.498.930.000
Nhận thanh toán tiền cổ tức, nợ gốc và lãi cho vay	51.759.000.001	14.589.042.161
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp		
Góp vốn	12.900.000.000	10.750.000.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn		
Cổ tức được chia	990.420.000	815.640.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Nhận cung cấp dịch vụ	1.680.632.958	3.852.131.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	-		29.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	185.387.309.892	-		185.387.309.892	-	
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-		-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Aqua	2.902.900.000	(2.902.900.000)		2.902.900.000	(2.902.900.000)	
Công ty CP Đầu tư và XD cầu Đồng Nai	9.000.000.000	-		9.000.000.000	-	
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-		5.000.000.000	-	
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-		29.700.000.000	-	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	147.202.880.000	-		-	-	
Đầu tư khác	144.000.000	-		-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	-	-		129.785.291.258	-	130.099.239.000
Cộng	551.990.484.892	(2.902.900.000)	-	391.275.501.150	(2.902.900.000)	130.099.239.000

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	242.472.159.865	242.472.159.865	1.000.000.000	1.000.000.000
Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư vào Dự án chung cư Diamond Riverside		458.961.083.081	458.961.083.081	458.961.083.081
Vốn dự án đầu tư vào Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt		2.165.395.033	2.165.395.033	2.165.395.033
Cộng	242.472.159.865	703.598.637.979	461.126.478.114	461.126.478.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các công ty niêm yết như Công ty Cổ phần Đầu tư 577, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Giá trị hợp lý của các công ty khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Đối với các khoản vốn hợp tác đầu tư vào các dự án, Công ty không thực hiện đánh giá lại vì các dự án này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có đầy đủ cơ sở cho việc đánh giá lại.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	20.510.425.544	16.672.387.166
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	18.439.282.469	15.781.050.909
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.071.143.075	891.336.257
a. Dài hạn	191.991.689.473	175.247.311.267
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc mới chờ phân bổ (i)	89.015.087.141	86.290.569.921
Chi phí lãi vay dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua TP.Phan Rang - Tháp Chàm chờ phân bổ (i)	64.468.928.307	52.520.885.389
Chi phí đền bù và trùng tu mỏ đá	6.073.920.745	
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.523.260.860	31.508.050.166
Chi phí phát triển dự án chờ phân bổ	1.475.121.021	2.873.175.136
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	916.304.260	754.862.738
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	882.968.298	-
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	156.666.667	614.666.667
Chi phí khác chờ phân bổ	479.432.174	685.101.250
Cộng	212.502.115.017	191.919.698.433

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho các dự án B.O.T phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay của dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới là 13,8% và dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 12,1%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Đánh giá lại giá trị tài sản công ty con tại ngày mua (*)	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện	Cộng
	VND	VND	VND
a. Tài sản			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%	22%	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%	22%	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(2.668.013.652)	(2.668.013.652)
Mua công ty con	-	(162.515.175)	(162.515.175)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	2.830.528.827	2.830.528.827
b. Nợ phải trả			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%	22%	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	70.610.038	70.610.038
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	70.610.038	70.610.038
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	22%	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(70.610.038)	(70.610.038)
Mua công ty con	55.286.150.596	-	55.286.150.596
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	55.286.150.596	-	55.286.150.596

Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

(2.738.623.690)

(*) Đây là khoản thuế hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG cao hơn so với giá trị ghi sổ như đã nêu tại Thuyết minh số 13. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi sau năm 2016. Thuế thu nhập hoãn lại từ việc đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày mua được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ (xem Thuyết minh số 34) mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	81.726.915.168
Tăng do mua công ty con trong kỳ	2.387.543.006
Giảm do thoái vốn trong công ty con	(4.556.807.783)
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(9.134.466.750)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	70.423.183.641
Tăng do mua công ty con trong kỳ	445.714.824.229
Giảm do thoái vốn trong công ty con	(3.605.059.358)
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(7.356.043.824)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	505.176.904.688

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh	51.894.826.336	51.894.826.336	45.897.059.991	45.897.059.991
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	15.808.222.406	15.808.222.406	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	-	272.670.714.696	272.670.714.696
Các nhà cung cấp khác	56.960.980.586	56.960.980.586	71.444.517.079	71.444.517.079
Cộng	124.664.029.328	124.664.029.328	390.012.291.766	390.012.291.766

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.732.240.835	2.017.533.382	2.237.268.931	3.003.837.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.509.858.687	13.399.061.662	-	1.110.797.025
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	65.493.369	65.493.369
Tiền thuế đất	576.571.588	-	-	576.571.588
Cộng	17.818.671.110	15.416.595.044	2.302.762.300	4.756.699.449
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	49.043.008.907	29.641.547.429	66.810.118.573	11.874.437.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.867.093.351	82.528.466.002	44.779.358.640	79.616.200.713
Thuế thu nhập cá nhân	1.244.209.559	10.852.842.141	11.115.344.682	981.707.018
Thuế nhà thầu	899.789.474	826.484.211	899.789.474	826.484.211
Các khoản phải nộp khác	405.141.045	10.213.778.156	9.678.065.696	940.853.505
Cộng	93.459.242.336	134.063.117.939	133.282.677.065	94.239.683.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thi công liên quan đến các công trình xây dựng	30.983.128.641	24.037.710.057
Chi phí lãi vay phải trả	11.922.581.949	4.631.206.125
Chi phí phải trả khác	507.324.890	383.611.143
Cộng	43.413.035.480	29.052.527.325

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	110.276.733	3.382.824
Bảo hiểm xã hội	262.887.959	686.460.728
Bảo hiểm y tế	32.409.847	47.059.646
Bảo hiểm thất nghiệp	30.317.575	17.836.105
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	35.117.963.616	13.466.531.755
Phải trả lãi vay ngân hàng	26.881.106.833	32.648.499.372
Phải trả lãi trái phiếu	31.249.695.920	15.931.703.078
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	6.974.627.722	7.820.860.639
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	14.241.869.760	10.576.333.960
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	22.184.200.000	8.875.168.302
Các khoản thu hộ	90.325.689.886	-
Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	-	2.954.624.170
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.972.454.447	23.710.401.605
	279.428.500.298	116.738.862.184
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.233.575.844	37.104.142.147
Quỹ bảo trì căn hộ	7.344.805.142	7.025.066.053
	24.578.380.986	44.129.208.200
Cộng	304.006.881.284	160.868.070.384

Trong đó, phải trả các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	23.935.435.347	8.875.168.302
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	10.000.000.000	-
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây Dựng	21.102.070	1.521.102.070
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	32.857.351.111
Cộng	33.956.537.417	43.253.621.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	348.786.739.330	348.786.739.330	331.163.739.330	223.470.000.000	241.093.000.000	241.093.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	70.000.000.000	70.000.000.000	164.903.265.325	107.564.104.533	12.660.839.208	12.660.839.208
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	56.388.540.980	56.388.540.980	56.388.540.980	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bình Dương	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. Hồ Chí Minh	17.762.441.766	17.762.441.766	32.512.960.752	14.750.518.986	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	12.541.551.422	12.541.551.422	42.677.260.817	35.356.692.616	5.220.983.221	5.220.983.221
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	998.540.610	998.540.610	5.924.715.082	4.926.174.472	-	-
Vay các cá nhân khác	7.403.168.167	7.403.168.167	8.773.168.167	1.370.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	227.818.000.000	227.818.000.000	227.818.000.000	295.530.000.000	295.530.000.000	295.530.000.000
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	1.020.698.982.275	1.020.698.982.275	1.889.161.650.453	1.622.967.490.607	754.504.822.429	754.504.822.429

Thông tin bổ sung cho một số khoản vay ngắn hạn trọng yếu như sau:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	250.000.000.000	6 tháng	25/09/2015	4,60%	Tài trợ vốn lưu động	Tiền gửi tiết kiệm trị giá 251 tỷ VND gửi tại ngân hàng
	28.735.861.601	6 tháng	25/12/2015	7,50%	Tài trợ vốn lưu động cho Công ty Cổ phần	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công
	17.623.000.000	8 tháng	27/08/2015	8,00%	Xây dựng Hạ tầng CII thi công các công trình xây dựng	
	20.700.000.000	6 tháng	12/08/2015	8,00%		
	31.727.877.729	6 tháng	25/12/2015	7,50%		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	70.000.000.000	5 tháng	04/08/2015	7,00%	Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	60.000.000.000	12 tháng	27/04/2016	9,00%	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các dự án về nước	409.114 Cổ phần Công ty CP BOO Nước Thủ Đức và 3.143.440 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An mà SH đang nắm giữ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	56.388.540.980	6 tháng	29/12/2015	7,00%	Tài trợ vốn thi công các công trình xây dựng	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bình Dương	19.000.000.000	12 tháng	10/07/2015	6,90%	Tài tài trợ và tài trợ cho Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương.	Không có tài sản đảm bảo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay dài hạn	3.126.241.024.087	3.126.241.024.087	1.470.740.137.202	595.166.888.519	2.182.955.775.404	2.182.955.775.404
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	2.101.824.709.122	2.101.824.709.122	596.752.721.987	162.227.000.000	1.667.298.987.135	1.667.298.987.135
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	245.000.000.000	245.000.000.000	50.000.000.000	85.000.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	214.000.000.000	214.000.000.000	219.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	204.046.899.750	204.046.899.750	-	29.140.000.000	233.186.899.750	233.186.899.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Việt Á	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	157.346.121.841	157.346.121.841	162.346.121.841	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. Hồ Chí Minh	85.009.656.757	85.009.656.757	85.009.656.757	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	75.157.000.000	75.157.000.000	79.957.000.000	4.800.000.000	-	-
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	71.674.636.617	71.674.636.617	77.674.636.617	6.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM	-	-	-	297.999.888.519	297.999.888.519	297.999.888.519
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(227.818.000.000)	(227.818.000.000)			(295.530.000.000)	(295.530.000.000)
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	1.261.572.334.479	1.286.275.000.000	493.965.665.510	121.868.006.944	889.474.675.913	911.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành năm 2015	485.406.993.056	491.275.000.000	491.275.000.000	5.868.006.944	-	-
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	285.436.000.000	290.000.000.000	652.000.000	-	284.784.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	690.729.341.423	705.000.000.000	2.038.665.510	116.000.000.000	804.690.675.913	821.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)			(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Cộng	4.387.813.358.566	4.412.516.024.087	1.964.705.802.712	717.034.895.463	3.072.430.451.317	3.093.955.775.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	575.691.000.000	6 năm	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8.5%-10%	Tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, công ty dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2) và góp vốn vào Công ty CP XD Cầu Sài Gòn.	108.818.508 cổ phiếu do Công ty sở hữu của một số công ty con và công ty liên kết.
	704.285.482.782	15 năm	31/12/2029	10%	Tài trợ cho dự án đầu tư mở rộng Xa Lộ Hà Nội	Quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội
	348.000.000.000	11 năm	23/07/2020	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8.5%-10%	Tài trợ cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1	Quyền thu phí giao thông tại trạm Cam Thịnh, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc Dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc Dự án
	387.399.823.272	15 năm	26/08/2029		Tài trợ cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2	Quyền thu phí giao thông và các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án
86.448.403.068	7 năm	11/02/2022		Bù đắp chi phí hợp lý đầu tư vào dự án mua "Khu văn phòng-thương mại-dịch vụ Lữ Gia" để cho thuê	Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia. Quyền đòi nợ và thu hưởng số tiền đòi nợ từ việc cho thuê văn phòng của dự án	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	245.000.000.000	4 năm	04/09/2022	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8,5%-9%	Bổ sung vốn thi công dự án đầu tư mở rộng Xa Lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo, tuy nhiên Công ty cam kết sử dụng 1 phần nguồn thu ngân sách từ UBND thành phố Hồ Chí Minh thanh toán theo hợp đồng B.T Cầu Sài Gòn để thanh toán cho khoản này
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	214.000.000.000	8,5 năm	19/06/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 7%-9%	Công ty CII B&R thanh toán phí chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	204.046.899.750	4 năm	21/10/2018	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 10%	Khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Á	200.000.000.000	4 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 10,5%	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	12.033.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	157.346.121.841	10 năm	23/12/2019	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8,4%	Đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. Hồ Chí Minh	85.009.656.757	8 năm	05/06/2022	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 9,2%	Đầu tư xây dựng dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m3/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;	Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, Tp. Pleiku; toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m3/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	75.157.000.000	7 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong kỳ khoảng 8%-10%	Mua lại nhà máy cấp nước Đankia	Quyền sử dụng đất thửa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7 - Thành phố Đà Lạt.
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	71.674.636.617	10 năm	21/12/2009	9,00%	Đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC)

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng phát hành 1.020.000 trái phiếu hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Cầu đường CII (mã cổ phiếu: LGC) cho MPTC. Việc phát hành trái phiếu sẽ được thực hiện thành 2 đợt. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành đợt 1 với số lượng là 491.275 trái phiếu. Thông tin chi tiết và trái phiếu đã phát hành như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Ngày phát hành: 11 tháng 3 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 7 năm kể từ ngày hoàn tất
- Lãi suất: 11%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa ngày mà trái phiếu đó được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán lãi đầy đủ và ngày đáo hạn của trái phiếu;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 19 tháng kể từ ngày hoàn tất hoặc 1 ngày sớm hơn mà Công ty thông báo, MPTC sẽ có quyền yêu cầu hoán đổi bất kỳ trái phiếu nào còn đang lưu hành tại thời điểm đó. Quyền hoán đổi chỉ được thực hiện đối với ít nhất 10.000 trái phiếu;
- Xác định số lượng cổ phiếu hoán đổi: Mệnh giá hoán đổi chia (:) cho giá hoán đổi. Giá hoán đổi là 18.000 VND và được điều chỉnh xuống giá thấp hơn nếu CII B&R thay đổi vốn điều lệ do chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng hay phát hành cổ phần cho người lao động hoặc thay đổi mệnh giá cổ phần LGC;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo nhưng điều kiện để thực hiện được đi kèm với điều kiện Công ty phải chuyển nhượng thành công các công ty dự án cho CII B&R, bao gồm: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i), Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (ii); Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (iii), Công ty TNHH BOT Rạch Miễu (iv) và một công ty dự án (v) do Công ty hoặc CII B&R sở hữu hoặc kiểm soát để xây dựng và thực hiện dự án Cầu Bình Triệu 2 hoặc một dự án có giá trị tương đương. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 4 công ty dự án cho CII B&R và về cơ bản là đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng các công ty dự án này.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014.
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND. Số dư cuối kỳ của trái phiếu này là 290 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn (tiếp theo)

Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn 295 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 295 tỷ VND.

c. Lịch thanh toán cho các khoản vay dài hạn và trái phiếu thường

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	227.818.000.000	295.530.000.000
Trong năm thứ hai	441.716.461.000	342.292.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	993.787.197.208	825.378.292.622
Sau năm năm	1.690.737.365.879	1.015.285.482.782
	3.354.059.024.087	2.478.485.775.404
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(227.818.000.000)	(295.530.000.000)
Cộng	3.126.241.024.087	2.182.955.775.404

Các khoản trái phiếu thường chưa đáo hạn sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Trong năm thứ hai	200.000.000.000	200.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	595.000.000.000	711.000.000.000
Sau năm năm	491.275.000.000	-
	1.486.275.000.000	1.111.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(24.702.665.521)	(21.525.324.087)
Cộng	1.261.572.334.479	889.474.675.913

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả cuối kỳ là giá trị mà Công ty phải trả cho Công ty Kênh Dong Water Holdings, được ghi nhận theo điều khoản bồi hoàn trong Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông giữa Công ty và Manila Water Company, Inc., (nhà đầu tư nước ngoài). Theo đó, Công ty phải bồi hoàn cho Nhà đầu tư nước ngoài đối với các tổn thất phát sinh do hoạt động sản xuất thương mại của dự án Kênh Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông không được bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013. Hoạt động phát nước thương mại của nhà máy nước Kênh Đông được chính thức bắt đầu vào ngày 8 tháng 7 năm 2013, do đó Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn cho nhà đầu tư theo cam kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi năm 2011	820.191.864.458	830.484.000.000	32.820.125.430,00	92.538.376.333,00	879.910.115.361	899.424.000.000
Trái phiếu chuyển đổi năm 2014	218.184.000.000	218.184.000.000	-	80.514.000.000,00	298.698.000.000	298.698.000.000
Cộng	1.038.375.864.458	1.048.668.000.000	32.820.125.430	173.052.376.333	1.178.608.115.361	1.198.122.000.000

Các trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	830.484.000.000	899.424.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	218.184.000.000	298.698.000.000
	1.048.668.000.000	1.198.122.000.000
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(10.292.135.542)	(19.513.884.639)
Cộng	1.038.375.864.458	1.178.608.115.361

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

26. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi

Mệnh giá 25 triệu USD, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011;
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
 - + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
 - + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
- Lãi trái phiếu: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần;
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Trái phiếu này sẽ đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi trong quý 1 năm 2016.

Mệnh giá 71.079.000.000 VND, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 1.000.000 VND và bội số của 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phần;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
- Lãi trái phiếu: 13%/năm đầu tiên, kể từ năm thứ 2 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của 4 ngân hàng thương mại lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, AGR) trên địa bàn thành phố cộng (+) biên độ 2%;
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần cho 44.424.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi và 10.000 VND/cổ phần cho 26.655.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Ngày 28 tháng 7 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện chuyển đổi 26.655 trái phiếu thành 2.665.500 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000VND/cổ phần). Trong kỳ, trái chủ không thực hiện chuyển đổi thêm trái phiếu. Số dư cuối kỳ là 44.424.000.000 VND sẽ được quyền chuyển đổi với giá là 18.800VND/cổ phần và sẽ đáo hạn vào quý 1 năm 2016.

Mệnh giá 15 triệu USD, phát hành tháng 4/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý;
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
 - + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
 - + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
- Lãi trái phiếu: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 10.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 21 tháng 4 năm 2011;
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới), dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, dự án B.O.T cao ốc 152 Điện Biên Phủ, dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 16 tháng 1 năm 2015, nhà đầu tư đã thực hiện chuyển đổi 4.000.000 trái phiếu thành 8.536.000 cổ phiếu với tỷ giá quy đổi là 21.340 VND/USD. Số dư cuối kỳ là 11.000.000 USD trái phiếu tương đương với 240.325.000.000 VND và sẽ đáo hạn vào tháng 4 năm 2016.

Mệnh giá 1.081.846.000.000 VND, phát hành tháng 6/2014

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Ngày 23 tháng 12 năm 2014 - hạn chuyển đổi trái phiếu đợt 1, các trái chủ đã chuyển đổi 783.148 trái phiếu với tổng mệnh giá là 783.148.000.000 VND thành 71.187.904 cổ phiếu.

Ngày 12 tháng 6 năm 2015 - hạn chuyển đổi đợt 2, các trái chủ đã chuyển đổi 80.514 trái phiếu thành 7.318.634 cổ phiếu. Số dư trái phiếu còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 218.184 trái phiếu tương đương với tổng mệnh giá là 218.184.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	1.128.615.000.000	105.309.914.261	-	96.763.950.314	300.553.260.105	364.618.193.145	1.995.860.317.825
Chuyển đổi trái phiếu	738.534.040.000	71.268.960.000	-	-	-	-	809.803.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	400.000.000	-	-	-	-	-	400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	388.168.489.223	156.116.180.748	544.284.669.971
Chia cổ tức	-	-	-	-	(135.361.800.000)	-	(135.361.800.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	8.580.937.637	(20.000.464.543)	-	(11.419.526.906)
NCI tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	14.808.035.571	14.808.035.571
Tăng khác	-	-	6.660.084.447	-	(6.660.084.447)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1.560.259.167)	-	(1.560.259.167)
Tại ngày 01/01/2015	1.867.549.040.000	176.578.874.261	6.660.084.447	105.344.887.951	525.139.141.171	535.542.409.464	3.216.814.437.294
Chuyển đổi trái phiếu	158.546.340.000	7.327.660.000	-	-	-	-	165.874.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	537.967.750.832	50.730.445.600	588.698.196.432
Lợi nhuận khi thoái một phần vốn công ty con (i)	-	-	-	-	181.717.080.747	(181.717.080.747)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(234.349.084.800)	(34.921.063.010)	(269.270.147.810)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	19.408.424.460	(38.816.848.921)	-	(19.408.424.461)
Thay đổi phần sở hữu của công ty mẹ và NCI trong tài sản thuần của công ty con (ii)	-	-	-	-	9.988.109.303	(9.988.109.303)	-
NCI tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	941.201.512.746	941.201.512.746
Công ty con mua lại cổ phiếu từ NCI	-	-	-	-	-	(22.228.560.000)	(22.228.560.000)
Giảm khác	-	(18.600.000)	-	-	(257.390.961)	(32.201.811.286)	(32.477.802.247)
Tại ngày 30/06/2015	2.026.095.380.000	183.887.934.261	6.660.084.447	124.753.312.411	981.388.757.371	1.246.417.743.464	3.322.785.468.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận khi thoái một phần vốn trong công ty con phát sinh trong kỳ là khoản lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng 30 triệu cổ phiếu LGC (cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII) cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC). Khoản lợi nhuận này được tính bằng tổng giá phí thu về trừ (-) phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày chuyển nhượng tương ứng với tỷ lệ sở hữu đã chuyển giao cho MPTC. Do Công ty chuyển nhượng cổ phiếu công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát, do đó khoản lãi này không được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà được ghi nhận vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo quy định của Thông tư 202.

(ii) Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) trong tài sản thuần của công ty con thể hiện phần lãi Công ty được hưởng khi thực hiện tái cấu trúc công ty. Khi chuyển nhượng các công ty con đang đầu tư trực tiếp như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội cho Công ty CII B&R, phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát CII B&R trong giá phí khoản đầu tư vào các công ty dự án này nhỏ hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con. Phần chênh lệch này được xem như là một khoản lỗ của cổ đông không kiểm soát (lãi của Công ty) và được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ phần

	30/06/2015	01/01/2015
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	202.609.538	186.780.904
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	202.609.538	186.754.904
+ Cổ phần phổ thông	202.609.538	186.754.904
Số lượng cổ phần đang lưu hành	202.609.538	186.754.904
+ Cổ phần phổ thông	202.609.538	186.754.904
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2015, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 đã phê duyệt mức chi trả cổ tức của năm 2014 là 14% tương đương với 273.407.265.600 VND dựa trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với tỷ lệ 12% cho các cổ đông, 2 % còn lại dự kiến sẽ được chi trả trong 6 tháng cuối năm 2015 và chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính này. Đại hội Cổ đông cũng đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 14%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	301.699.604.547	260.529.722.716
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	368.248.676.499	100.245.869.442
Doanh thu bán hàng	58.424.739.180	25.503.470.916
Doanh thu cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	21.177.769.961	12.941.871.197
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	11.181.388.383	18.711.847.306
Doanh thu từ dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn	-	1.010.530.973.114
	760.732.178.570	1.428.463.754.691
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(11.066.410.956)	(8.461.639.778)
Giảm giá hàng bán	(77.253.499)	(255.188.734)
Hàng bán bị trả lại	(892.000)	-
	(11.144.556.455)	(8.716.828.512)
Doanh thu thuần	749.587.622.115	1.419.746.926.179

29. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	68.954.552.814	43.850.408.311
Giá vốn hoạt động xây lắp	267.723.902.723	64.344.988.971
Giá vốn hàng đã bán	56.647.759.249	22.950.192.151
Giá vốn của dịch vụ	14.756.717.264	11.100.734.995
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	5.897.624.057	11.304.598.578
Giá vốn dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn	-	1.010.680.677.811
Cộng	413.980.556.107	1.164.231.600.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con (i)	331.727.954.844	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.214.169.999	14.133.145.462
Thặng dư từ phát hành trái phiếu hoán đổi (ii)	88.767.079.616	
Lãi chậm thanh toán dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (iii)	80.028.977.786	85.932.000.000
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	45.981.927.913	37.096.419.188
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.206.141.141	16.869.837.591
Lãi đầu tư trái phiếu	1.595.029.219	5.219.221.206
Doanh thu tài chính khác	433.924	284.136
Cộng	688.521.714.442	159.250.907.583

(i) Lãi phát sinh từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con bao gồm:

- Khoản lãi phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu trước khi Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII nắm quyền kiểm soát Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình với giá trị là 50.015.700.000 VND. Giá trị này được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con và giá gốc của khoản đầu tư ban đầu;
- Khoản lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII) với giá trị là 281.712.254.844 VND. Giá trị này được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày mua để đạt được quyền kiểm soát. Giá trị hợp lý của cổ phiếu SII tại ngày mua là 25.000VND/cổ phiếu.

Khoản lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày mua không được dùng để chia cho các cổ đông.

(ii) Đây là giá trị thặng dư từ trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành cho MPTC, được ghi nhận theo phần phụ trội giữa giá phát hành và mệnh giá trái phiếu sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến phần phụ trội này. Trái phiếu phát hành có lãi suất tương đương với lãi suất của thị trường do đó phần thặng dư này được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

(iii) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn, được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	199.356.687.307	114.352.124.042
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	41.554.630.586	16.112.096.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.420.000.000	9.200.000.000
Chi phí tài chính khác	2.038.278.424	1.200.614.694
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài c	-	(24.798.634.050)
Cộng	259.369.596.317	116.066.201.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	112.165.395.480	87.854.484.080
Chi phí bảo hành, duy tu trạm thu phí giao thông	3.665.535.800	4.033.961.159
Chi phí in vé thu phí giao thông	699.089.988	696.316.566
Chi phí nhân viên	4.384.653.950	4.136.231.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.941.400	283.288.134
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	-	430.477.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.978.040.355	5.205.688.592
Cộng	128.914.656.973	102.640.447.466

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.170.938.239	17.593.733.321
Chi phí đồ dùng văn phòng	912.661.770	1.012.638.623
Chi phí khấu hao	4.520.149.311	885.055.327
Thuế, phí và lệ phí	4.258.215.370	1.844.511.040
Chi phí dự phòng	18.006.596.912	(82.365.437)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.664.076.503	2.707.095.724
Chi phí bằng tiền khác	994.292.166	920.734.100
Phân bổ lợi thế thương mại	7.356.043.824	4.641.196.156
Cộng	63.882.974.095	29.522.598.854

34. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ (i)	127.663.582.862	-
Tiền phạt do chậm thanh toán thu được	27.625.420	-
Thu nhập khác	276.557.798	735.935.045
Cộng	127.967.766.080	735.935.045

(i) Đây là phần chênh lệch lớn hơn giữa phần sở hữu trong giá trị hợp lý của tài sản thuần trong Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG và giá phí của khoản đầu tư tại ngày CII B&R kiểm soát công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các khoản phạt thuế	3.736.480.819	4.509.073.633
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	279.262.520	-
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	405.843.094	856.835.556
Cộng	4.421.586.433	5.365.909.189

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	101.209.297.431	27.682.791.901
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(2.762.182.108)
Cộng	101.209.297.431	24.920.609.793

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động thu phí giao thông tại trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Bình Triệu 2 và trạm Cam Thịnh để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	537.967.750.832	173.809.946.183
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	191.018.000	112.853.544
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.816	1.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Yếu tố có tác động suy giảm đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty là các trái phiếu chuyển đổi. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm cho số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trong tương lai. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	537.967.750.832	173.809.946.183
Cộng lãi của trái phiếu chuyển đổi	30.428.052.667	37.267.760.000
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	568.395.803.499	211.077.706.183
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	191.018.000	112.853.544
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi từ trái phiếu	75.258.845	90.004.044
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	266.276.845	202.857.588
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.135	1.041

39. THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương	3.955.647.588	3.149.981.588
Thưởng	7.563.292.323	2.339.461.569
Cộng	11.518.939.911	5.489.443.157

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	6.481.883.006.362	5.046.582.597.833
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(888.282.006.346)	(1.567.118.042.293)
Nợ thuần	5.593.601.000.016	3.479.464.555.540
Vốn chủ sở hữu	4.569.203.211.954	3.216.814.437.294
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	122%	108%

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hướng đến việc tập trung khai thác hiệu quả đầu tư cho đến hết vòng đời của dự án thay vì thực hiện chuyển nhượng để thu về lợi nhuận trong ngắn hạn. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và nay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản trái phiếu hoán đổi và chuyển đổi. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng phần lớn các nhà đầu tư sẽ thực hiện chuyển đổi hoặc hoán đổi các trái phiếu này trong tương lai thay vì nhận thanh toán bằng tiền nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	888.282.006.346	1.567.118.042.293
Các khoản cho vay	391.190.674.519	198.090.997.600
Phải thu khách hàng	1.293.565.720.315	1.124.301.989.885
Phải thu khác	158.922.405.413	95.598.022.139
Các khoản đầu tư tài chính	2.282.063.810.294	1.793.645.767.408
Cộng	5.014.024.616.887	4.778.754.819.325
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	72.769.202.992	332.015.212.821
Phải trả khác	251.108.220.412	139.621.733.273
Chi phí phải trả	43.413.035.480	29.052.527.325
Dự phòng phải trả	48.534.083.235	48.534.083.235
Các khoản vay	3.946.940.006.362	2.737.460.597.833
Trái phiếu thông thường	1.486.275.000.000	1.111.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.048.668.000.000	1.198.122.000.000
Cộng	6.897.707.548.481	5.595.806.154.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
Tài sản tài chính	2.177,20	47.346.110	2.182,56	47.028.047
Nợ phải trả tài chính	36.000.000	855.000.000.000	40.000.000	786.060.000.000

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 30/6/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	888.282.006.346	-	-	888.282.006.346
Các khoản cho vay	56.972.676.919	334.217.997.600	-	391.190.674.519
Phải thu khách hàng	653.601.821.193	639.963.899.122	-	1.293.565.720.315
Phải thu khác	56.507.487.489	102.414.917.924	-	158.922.405.413
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	242.472.320.866	-	2.039.591.489.428	2.282.063.810.294
Cộng	1.897.836.312.813	1.076.596.814.646	2.039.591.489.428	5.014.024.616.887
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	72.769.202.992	-	-	72.769.202.992
Phải trả khác	233.874.644.568	17.233.575.844	-	251.108.220.412
Chi phí phải trả	43.413.035.480	-	-	43.413.035.480
Dự phòng phải trả	48.534.083.235	-	-	48.534.083.235
Các khoản vay	820.698.982.275	1.435.503.658.208	1.690.737.365.879	3.946.940.006.362
Trái phiếu thông thường	200.000.000.000	795.000.000.000	491.275.000.000	1.486.275.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	830.484.000.000	218.184.000.000	-	1.048.668.000.000
Cộng	2.249.773.948.550	2.465.921.234.052	2.182.012.365.879	6.897.707.548.481
Chênh lệch thanh khoản thuần	(351.937.635.738)	(1.389.324.419.406)	(142.420.876.451)	(1.883.682.931.595)
TẠI NGÀY 01/01/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	1.567.118.042.293	-	-	1.567.118.042.293
Các khoản cho vay	172.440.000.000	25.650.997.600	-	198.090.997.600
Phải thu khách hàng	360.139.975.735	764.162.014.150	-	1.124.301.989.885
Phải thu khác	78.480.609.279	17.117.412.860	-	95.598.022.139
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.000.161.001	-	1.792.645.606.407	1.793.645.767.408
Cộng	2.179.178.788.308	806.930.424.610	1.792.645.606.407	4.778.754.819.325
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	332.015.212.821	-	-	332.015.212.821
Phải trả khác	102.517.591.126	37.104.142.147	-	139.621.733.273
Chi phí phải trả	29.052.527.325	-	-	29.052.527.325
Dự phòng phải trả	48.534.083.235	-	-	48.534.083.235
Các khoản vay	554.504.822.429	1.167.670.292.622	1.015.285.482.782	2.737.460.597.833
Trái phiếu thông thường	200.000.000.000	911.000.000.000	-	1.111.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	899.424.000.000	298.698.000.000	-	1.198.122.000.000
Cộng	2.166.048.236.936	2.414.472.434.769	1.015.285.482.782	5.595.806.154.487
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.130.551.372	(1.607.542.010.159)	777.360.123.625	(817.051.335.162)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chênh lệch thanh khoản thuần âm trong ngắn hạn âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu chuyển đổi gần đáo hạn. Công ty tin tưởng rằng các trái phiếu này sẽ được chuyển đổi theo kế hoạch của Công ty và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành khác trong cả nước là không trọng yếu.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T; hoạt động xây dựng; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động bán hàng do Công ty sản xuất và hoạt động cung cấp các dịch vụ hạ tầng cùng với một số dịch vụ khác.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- a) Hoạt động thu phí giao thông: Công ty thực hiện thu phí các phương tiện tham gia giao thông tại các trạm trên các tuyến đường Công ty được phép thu phí để hoàn vốn đầu tư vào các dự án như:
 - + Trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới;
 - + Trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2);
 - + Trạm Cam Thịnh để hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- b) Hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T: Xây dựng cầu Sài Gòn, xây dựng đường liên tỉnh lộ 25B và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng; xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- d) Hoạt động kinh doanh bất động sản: Xây dựng và bán căn hộ cho khách hàng, cho thuê văn phòng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- e) Hoạt động bán hàng: Công ty sản xuất và bán các thiết bị đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- f) Hoạt động cung cấp dịch vụ hạ tầng và một số dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh, đường xá.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận được thể hiện như bảng dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chi tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Hoạt động xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động bán hàng	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
Doanh thu bán ra bên ngoài	290.633.193.591	-	368.248.676.499	11.181.388.383	58.346.593.681	21.177.769.961	-	749.587.622.115
bộ giữa các bộ phận	-	-	191.880.844.539	633.091.352	-	9.443.064.130	(201.957.000.021)	-
Cộng	290.633.193.591	-	560.129.521.038	11.814.479.735	58.346.593.681	30.620.834.091	(201.957.000.021)	749.587.622.115
Giá vốn								
Giá vốn bán ra bên ngoài	68.954.552.814	-	267.723.902.723	5.897.624.057	56.647.759.249	14.756.717.264	-	413.980.556.107
bán giữa các bộ phận	-	-	191.880.844.539	139.592.006	-	192.000.000	(192.212.436.545)	-
Cộng	68.954.552.814	-	459.604.747.262	6.037.216.063	56.647.759.249	14.948.717.264	(192.212.436.545)	413.980.556.107
Lợi nhuận gộp bộ phận	221.678.640.777	-	100.524.773.776	5.777.263.672	1.698.834.432	15.672.116.827	(9.744.563.476)	335.607.066.008
Doanh thu hoạt động tài chính								688.521.714.442
Chi phí tài chính								259.369.596.317
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết								(8.338.862.539)
Chi phí bán hàng								128.914.656.973
Chi phí quản lý doanh nghiệp								63.882.974.095
Thu nhập khác								127.967.766.080
Chi phí khác								4.421.586.433
Chi phí thuế TNDN hiện hành								101.209.297.431
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								(2.738.623.690)
Tổng lợi nhuận sau thuế								588.698.196.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chi tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng BT	Hoạt động xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động bán hàng	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
Doanh thu bán ra bên ngoài	252.068.082.938	1.010.530.973.114	100.245.869.442	18.711.847.306	25.248.282.182	12.941.871.197	-	1.419.746.926.179
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	-	-	117.871.393.925	114.697.424	486.011.000	14.135.813.968	(132.607.916.317)	-
Cộng	252.068.082.938	1.010.530.973.114	218.117.263.367	18.826.544.730	25.734.293.182	27.077.685.165	(132.607.916.317)	1.419.746.926.179
Giá vốn								
Giá vốn bán ra bên ngoài	43.850.408.311	1.010.680.677.811	64.344.988.971	11.304.598.578	22.950.192.151	11.100.734.995	-	1.164.231.600.817
Giá vốn hàng bán giữa các bộ phận	-	-	119.262.719.707	-	-	5.062.566.400	(124.325.286.107)	-
Cộng	43.850.408.311	1.010.680.677.811	183.607.708.678	11.304.598.578	22.950.192.151	16.163.301.395	(124.325.286.107)	1.164.231.600.817
Lợi nhuận gộp bộ phận	208.217.674.627	(149.704.697)	34.509.554.689	7.521.946.152	2.784.101.031	10.914.383.770	(8.282.630.210)	255.515.325.362

Doanh thu hoạt động tài chính

159.250.907.583

Chi phí tài chính

116.066.201.309

Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết

59.793.508.925

Chi phí bán hàng

102.640.447.466

Chi phí quản lý doanh nghiệp

29.522.598.854

Thu nhập khác

735.935.045

Chi phí khác

5.365.909.189

Chi phí thuế TNDN hiện hành

24.920.609.793

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại

-

Tổng lợi nhuận sau thuế

196.779.910.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông Tư 200 và Thông Tư 202. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông Tư 200 và Thông Tư 202, do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu	01/01/2015 Theo QĐ 15	Trình bày lại	01/01/2015 Trình bày lại
Tài sản ngắn hạn	329.847.456.915	-	329.847.456.915
Đầu tư ngắn hạn	1.000.161.001	(1.000.161.001)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	161.001	161.001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	172.440.000.000	172.440.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	245.673.649.540	(89.266.353.626)	156.407.295.914
Tài sản ngắn hạn khác	83.173.646.374	(83.173.646.374)	-
Tài sản dài hạn	1.094.339.496.857	(41.039.208.726)	1.053.300.288.131
Phải thu về cho vay dài hạn	-	25.650.997.600	25.650.997.600
Đầu tư dài hạn khác	878.052.976.864	(878.052.976.864)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	391.275.501.150	391.275.501.150
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	461.126.478.114	461.126.478.114
Chi phí trả trước dài hạn	216.286.519.993	(41.039.208.726)	175.247.311.267
Cộng tài sản	1.424.186.953.772	(41.039.208.726)	1.383.147.745.046
Nợ ngắn hạn	1.653.928.822.429	(899.424.000.000)	754.504.822.429
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.653.928.822.429	(899.424.000.000)	754.504.822.429
Nợ dài hạn	3.392.653.775.404	858.384.791.274	4.251.038.566.678
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.392.653.775.404	(320.223.324.087)	3.072.430.451.317
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.178.608.115.361	1.178.608.115.361
Vốn chủ sở hữu	105.344.887.951	-	105.344.887.951
Quỹ đầu tư phát triển	4.271.393.621	101.073.494.330	105.344.887.951
Quỹ dự phòng tài chính	101.073.494.330	(101.073.494.330)	-
Cộng nguồn vốn	5.151.927.485.784	(41.039.208.726)	5.110.888.277.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 3 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015 từ 14% lên 16% để trình Đại hội cổ đông gần nhất. Như vậy, cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Công ty sẽ chi trả cổ tức tổng cộng là 18%. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 364.697.168.400 VND. Công ty thống nhất chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 10% (trong đó, chi trả 2% cổ tức còn lại của năm 2014 và 8% cổ tức của năm 2015), ước tính khoảng 36.469.716.840 VND. Công ty chưa hạch toán giá trị cổ tức phải trả này vào báo cáo tài chính kỳ này.

Ngày 6 tháng 7 năm 2015, các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chuyển đổi do Goldman Sachs quản lý đã thực hiện chuyển đổi 4.500.000 USD trái phiếu trong 11.000.000 USD còn lại thành 9.810.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty từ 202.609.538 lên 212.419.538 cổ phiếu.

Hội đồng Quản trị Công ty đã có nghị quyết cho CII mua lại cổ phiếu được Goldman Sachs chuyển đổi với khối lượng mua lại tối đa là 10% cổ phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm (tính theo số lượng hiện nay là khoảng 20.260.954 cổ phiếu) để làm cổ phiếu quỹ. Việc mua lại đã được sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xúc tiến làm việc với các bên liên quan để thực hiện việc mua lại cổ phiếu quỹ.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc